



DANH MỤC ĐỀ XUẤT - SINGLE STOCK SAVING

THÁNG 4 NĂM 2019

Cổ phiếu	Tiềm năng doanh nghiệp	Tài sản tích lũy theo SSS 5 năm (Mỗi tháng bỏ đều đặn 2 triệu vào tài khoản)
Ngành Ngân hàng		
1. VIETCOMBANK VCB Vốn hóa: 251,091 tỷ đồng P/E 16.6 P/B 4.1 Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm gần nhất: 40%/năm	<ul style="list-style-type: none"> - VCB đứng đầu ngành ngân hàng Việt Nam về chất lượng tài sản. - Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức thấp (~ 1%). - Trong những năm gần đây, nợ xấu ngoại bảng được xử lý tích cực, giúp tăng thu nhập cho Ngân hàng. - ROE trung bình 3 năm là 19.2% (TB các ngân hàng niêm yết là 15.2%). 	
2. NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI MBB Vốn hóa: 47,868 tỷ đồng P/E 7.3 P/B 1.4 Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm gần nhất: 35%/năm	<ul style="list-style-type: none"> - Mảng cho vay bán lẻ là động lực tăng trưởng chính của MBB với tốc độ tăng tín dụng từ 20% - 30%/năm. - MBB có mối quan hệ với các đơn vị trực thuộc Quân Đội giúp huy động nguồn vốn nhân rồi lớn và chi phí cạnh tranh từ các tập đoàn quân đội lớn như: Viettel, Tân Cảng Sài Gòn,.... - Chỉ số định giá hấp dẫn so với trung bình ngành. 	
3. NGÂN HÀNG TECHCOMBANK TCB Vốn hóa: 88,988 tỷ đồng P/E 7.0 P/B 1.7 Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm gần nhất: 77%/năm	<ul style="list-style-type: none"> - TCB là ngân hàng số 1 về cho vay mua nhà, tư vấn trái phiếu và đứng đầu mảng ngân hàng giao dịch. Mô hình hoạt động hiệu quả và sự năng động của ban lãnh đạo là tiền đề cho những kết quả hiện tại. - ROE trung bình 3 năm ở mức 22%. TCB đã hoàn thành trích lập trái phiếu VAMC. 	<p>Chuỗi giá trị mang lại từ hệ sinh thái của Vingroup – Masan, hệ sinh thái đi liền với phát triển của nền kinh tế sẽ giúp TCB giữ vững được tốc độ phát triển trong các năm tới.</p> <p><i>* Cổ phiếu TCB niêm yết vào ngày 04/06/2018, chưa đủ dữ liệu tính toán.</i></p>
Ngành Bán lẻ		
4. THẾ GIỚI DI ĐỘNG MWG Vốn hóa: 36,985 tỷ đồng P/E 9.7 P/B 4.1 Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm gần nhất: 39%/năm	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành bán lẻ dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt cùng với mức độ cải thiện thu nhập của người dân, xu hướng sử dụng các sản phẩm có chất lượng cao hơn. - Mảng bán lẻ thực phẩm có dư địa tăng trưởng tốt từ thay đổi thói quen mua sắm tại cửa hàng tiện ích, tốc độ tăng trưởng cửa hàng tiện lợi dự báo tăng 37.4%/năm giai đoạn 2018 – 2022 (IDG). 	
5. VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ PNJ Vốn hóa: 16,867 tỷ đồng P/E 14.5 P/B 5.2 Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm gần nhất: 133%/năm	<ul style="list-style-type: none"> - Vàng trang sức gắn liền với văn hóa của người Á Đông, Việt Nam với cơ cấu dân số trẻ, thu nhập người dân cải thiện thúc đẩy nhu cầu trang sức trong các năm tới. - PNJ tiên phong định vị đúng sản phẩm hướng tới các khách hàng trẻ từ 25 – 45 tuổi với kiểu dáng hiện đại, giúp thị phần của PNJ mở rộng liên tục từ 12% (năm 2012) lên 27% (năm 2017) trong mảng trang sức. 	

Ngành Thực phẩm đồ uống

6. VINAMILK VNM

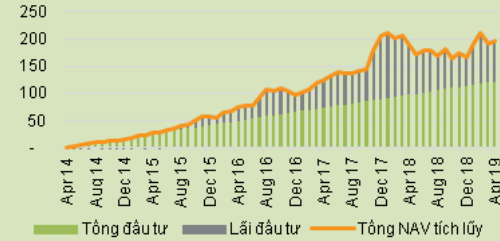
Vốn hóa: 240,314 tỷ đồng

P/E 20.8

P/B 9.3

Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm gần nhất:
10%/năm

- VNM đứng đầu thị phần ngành sữa Việt Nam với mức 57% thị phần 2018. Tăng trưởng ngành bình quân dự kiến 8 - 9% giai đoạn 2018 - 2020.
- Tăng trưởng trong tương lai của VNM đến từ cải thiện chi tiêu sản phẩm sữa nội địa bình quân đầu người và khả năng hoàn tất chuỗi sản xuất thông qua các thương vụ M&A.



Ngành Kinh doanh dầu khí

7. TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM GAS

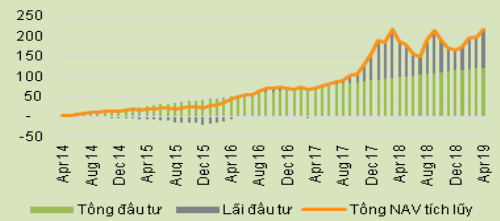
Vốn hóa: 193,883 tỷ đồng

P/E 16.0

P/B 4.1

Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm gần nhất:
10%/năm

- Gas là đơn vị duy nhất tại Việt Nam được tập đoàn dầu khí Việt Nam giao nhiệm vụ thực hiện thu gom, tàng trữ, vận chuyển và phân phối khí thông qua các công ty con.
- Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ LPG dân dụng của GAS từ 2018 – 2025, GAS phấn đấu duy trì và giữ vững thị phần LPG 50 – 60% toàn quốc.



Ngành công nghệ thông tin

8. FPT

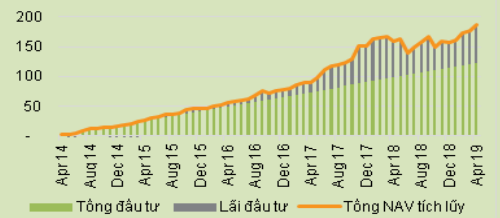
Vốn hóa: 29,328 tỷ đồng

P/E 10.6

P/B 2.2

Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm gần nhất:
11%/năm
Tỷ suất cổ tức bình quân 4.2%.

- Nhu cầu gia công phần mềm trên thế giới dự báo tăng trưởng 15 - 20% giai đoạn 2018 – 2022 (NASSCOM), thúc đẩy mảng xuất khẩu phần mềm tại các nước có lợi thế về chi phí như Việt Nam.
- Mảng xuất khẩu phần mềm của FPT có triển vọng tăng trưởng kép 30%/năm giai đoạn 2019 – 2022 nhờ tăng trưởng hữu cơ tại Nhật, Châu Á – Thái Bình Dương.



Ngành tiện ích

9. CTCP CƠ ĐIỆN LẠNH REE

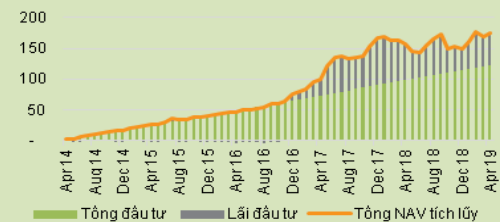
Vốn hóa: 9,844 tỷ đồng

P/E 5.5

P/B 1.0

Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm gần nhất:
28%/năm
Tỷ suất cổ tức bình quân 7%/năm

- Định hướng dài hạn REE hướng đến đầu tư vào mảng điện và nước, đây là 2 mảng kinh doanh mang lại mức sinh lời và dòng tiền ổn định hàng năm.
- Với việc sở hữu danh mục thủy điện có chi phí thấp sẽ giúp REE hưởng lợi lớn khi thị trường điện có sự thay đổi về cấu trúc, tiến đến tự do hóa hơn.



Ngành vật liệu cơ bản

10. TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT HPG

Vốn hóa: 68,815 tỷ đồng

P/E 7.0

P/B 1.7

Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm gần nhất:
35%/năm

- Khu liên hợp Dung Quất là động lực tăng trưởng trong 5 năm tới của HPG. HPG là công ty đứng đầu ngành thép với lợi thế cạnh tranh tới từ chi phí sản xuất thấp, biên lợi nhuận đứng đầu ngành thép.
- Hiện nay, đứng đầu ngành với thị phần tiêu thụ thép xây dựng 24% và ống thép 27%.

